

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sâm;

2. Bà Lê Thị Hồng Ánh.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 246 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29 tháng 6 năm 2026, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1962. Người được bà L ủy quyền là ông Trần Văn C - sinh năm 1962 (là chồng bà L);

- Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1977. Người được bà H1 ủy quyền là ông Trần Quốc H - sinh năm 1976 (là chồng bà H1);

Cùng địa chỉ: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

- Chi nhánh Văn phòng Đ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quách Khắc D – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H2 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ, Phú Thọ.

- Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu C1 – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải N - Phó Trưởng phòng Kinh tế xã C.

- **Cụ Nguyễn Thị N1** (Cụ N1 sinh năm 1939, đã chết ngày 14/11/2025). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N1, gồm:

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1959; Ông Trần Văn C, sinh năm 1962; Ông Trần Văn M, sinh năm 1973; Ông Trần Quốc H, sinh năm 1976 (*Cùng địa chỉ tại Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ*).

+ Ông Trần Quang H3, sinh năm 1966; Bà Trần Thị T1, sinh năm 1971 (*Cùng địa chỉ tại Khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ*).

+ Bà Trần Thị S, sinh năm 1968 (*Địa chỉ tại Khu Q, xã C, tỉnh Phú Thọ*).

2. Nội dung thỏa thuận của các đương sự:

Đối với phần diện tích 412,5m² đất trồng cây lâu năm (LNK), vị trí đất có các chỉ giới số 1,2,3,4,5,6,7,22,21,20,14,13,1, thuộc thửa đất số 678, tờ bản đồ số 11 (Bản đồ VN2000), tổng diện tích thửa đất gốc là 2054,7m² tại khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 993006 ngày 06/9/2021 mang tên ông Trần Văn C và bà Trần Thị L, đang có tranh chấp (hiện đang do vợ chồng ông Trần Quốc H và bà Hoàng Thị H1 quản lý, sử dụng). Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

- Đối với phần diện tích 59,1m² đất trồng cây lâu năm (LNK), trên đất có tài sản là 0,6m² một phần ngôi nhà cấp 4 và 01 chuồng lợn diện tích 63,8m² (đã được tháo dỡ chỉ còn nền bê tông), vị trí đất có các chỉ giới số 4, 5, 6, 7, 4, thuộc thửa đất số 678, tờ bản đồ số 11 (Bản đồ VN2000), tổng diện tích thửa đất gốc là 2054,7m² tại khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Thửa đất này đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 993006 ngày 06/9/2021 mang tên ông Trần Văn C và bà Trần Thị L (hiện đang do vợ chồng ông Trần Quốc H và bà Hoàng Thị H1 quản lý, sử dụng). Các bên đương sự thống nhất để ông Trần Quốc H và bà Hoàng Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng.

- Đối với phần diện tích 353,4m² đất trồng cây lâu năm (LNK), vị trí đất có các chỉ giới 1,2,3,4,7,22,21,20,14,13,1, thuộc thửa đất số 678, tờ bản đồ số 11 (Bản đồ VN2000), tổng diện tích thửa đất gốc là 2054,7m² tại khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Thửa đất này đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 993006 ngày 06/9/2021 mang tên ông Trần Văn C và bà Trần Thị L (hiện đang do vợ chồng ông Trần Quốc H và bà Hoàng Thị H1 quản lý, sử dụng). Các bên đương sự thống nhất để ông Trần Văn C và bà Trần Thị L được quyền quản lý, sử dụng. Ông Trần Quốc H và bà Hoàng Thị H1 tự nguyện tháo dỡ phần ngôi nhà xây cấp 4 còn lại có diện tích 67,8m² và 01 cánh cổng sắt trên phần diện tích đất trên.

Các bên đương sự đều không phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bằng tiền hay bất kỳ lợi ích vật chất nào khác cho nhau.

(Đính kèm theo Quyết định này có sơ đồ bản vẽ hiện trạng đất do Chi nhánh Văn phòng Đ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh P lập ngày 21 tháng 4 năm 2026).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất mà các bên đã thống nhất thỏa thuận như trên theo quy định của pháp luật về đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai và Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền có trách nhiệm căn cứ vào Quyết định này và sơ đồ bản vẽ hiện trạng kèm theo để thực hiện việc đăng ký biến động đất đai cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Trần Quốc H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ thực tế, số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Xác nhận ông Trần Văn C đã nộp số tiền là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng). Buộc ông Trần Quốc H phải thanh toán lại cho ông Trần Văn C số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc H tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Trần Văn C 300.000 đồng án tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008226 ngày 01/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - tỉnh Phú Thọ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành tại phiên tòa, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 - Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Dũng